

PHỤ LỤC 01: MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ

(Kèm theo Tờ trình số: .../TT-**HDQT** ngày tháng năm 2021)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
1	<p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp (dưới đây gọi là “Luật Doanh nghiệp”);- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (dưới đây gọi là “Luật Chứng khoán”);- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (dưới đây gọi là “Nghị định số 71/2017/NĐ-CP”),- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (dưới đây gọi là “Thông tư số 95/2017/TT-BTC”);	<p>Điều 2. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp (dưới đây gọi là “Luật Doanh nghiệp”);- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (dưới đây gọi là “Luật Chứng khoán”);- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (dưới đây gọi là “Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ”),- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (dưới đây gọi là “Thông tư số 116/2020/TT-BTC”);	Cập nhật lại các quy định pháp luật mới có hiệu lực

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
2	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>7. Các thuật ngữ khác chưa được giải nghĩa tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và <u>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.</u></p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>7. Các thuật ngữ khác chưa được giải nghĩa tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, <u>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</u></p>	Cập nhật lại các quy định pháp luật mới có hiệu lực
3	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo đề nghị của HĐQT và được sự chấp thuận của Cơ quan đăng ký kinh doanh. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Cơ quan đăng ký kinh doanh. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. HĐQT tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp</p>	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. HĐQT tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các <u>báo cáo tài chính năm được kiểm toán</u> và dự toán cho năm tài chính tiếp</p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan	theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại <u>điện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.</u>	
	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có</p>	<p>Điều 3: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS</p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</u>	triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u>	
4	<p>Điều 4. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>c. Số lượng thành viên của HĐQT;</p> <p>n. Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p>	<p>Điều 4. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>c. Số lượng thành viên của HĐQT; <u>BKS</u></p> <p>n. Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>h. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; bao gồm:</u></p> <p>i. <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <p>ii. <u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p>iii. <u>Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u> - <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</u> - <u>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;</u> <p>iv. <u>Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p>	
5	<p>Điều 5. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với</p>	<p>Điều 5. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một</p>	Sửa đổi theo thay

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường họp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p>đổi của Điều lệ công ty</p>
6	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>21 ngày</u> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</u></p>	<p>Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần, thời gian người đó nắm giữ cổ phần, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần, thời gian người đó nắm giữ cổ phần, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <u>từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <u>từ 5% cổ phần phổ thông trở lên</u> theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;</p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
7	<p>Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 8. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020
8	<p>Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết trong ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết trong ĐHĐCĐ</p> <p>4. <u>Chủ tịch HĐQT làm chủ toạ hoặc ủy quyền cho thành viên</u></p>	Sửa đổi theo thay

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>4. <u>Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập.</u> Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p><u>HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập.</u> Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>9. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p> <p><u>10. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p>	<p>đổi của Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết trong ĐHĐCĐ</p> <p>12. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá <u>03 ngày</u>, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>	<p>Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết trong ĐHĐCĐ</p> <p>12. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá <u>03 ngày làm việc</u>, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>	<p>Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
9	<p>Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p><u>d. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</u></p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <u>hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</u></p> <p>Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p>Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, <u>trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>d. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</u></p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p>Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty</p> <p>Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
10	<p>Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty</p>
11	<p>Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p>	<p>Sửa đổi theo thay</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>2. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>b) <u>Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c) <u>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</u></p> <p>d) <u>Ho, tên chủ toạ và thư ký;</u></p> <p>e) <u>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</u></p> <p>f) <u>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>g) <u>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>h) <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i) <u>Họ, tên và chữ ký của chủ toạ và thư ký. Trường hợp chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p><u>4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội</u></p>	<p>đổi của Điều lệ công ty</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u></p> <p><u>7. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	
12	<p>Điều 14. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>bao gồm cả các vấn đề được nêu tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 14. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	<p>Điều 14. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 14. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>từ 50% trở lên</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020
13	<p>Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>1. HĐQT có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, số</p>	<p>Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <p>1. HĐQT có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, số lượng</p>	Sửa đổi theo thay

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>lượng thành viên của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.</p>	<p>thành viên của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.</p>	<p>đổi của Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p>	<p>Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản: <u>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u> a. <u>Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</u> b. <u>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> c. <u>Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u></p>	<p>Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty</p>
	<p>Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 3. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ</u></p>	<p>Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 3. <u>Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên.</u></p>	<p>Điều chỉnh lại tỷ lệ theo Điều lệ công ty</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.		
14	<p>Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p><u>1. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</u></p>	<p>Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>h. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác</u></p> <p><u>1. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	<p>Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>điểm 1, điểm o khoản 2 Điều 17 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p>Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>n. Quyết định cơ cấu bộ máy của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</u></p> <p>Điều 16. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>12. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
15	<p>Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;</p>	<p>Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của <u>Điều 155 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>3. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>3. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty <u>và được chấp thuận;</u></p> <p>5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	
16	<p>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát</p> <p>2. BKS bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>Điều 3. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát</p> <p><u>2. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	<p>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát</p> <p>3. <u>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên</u></p>	<p>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát</p> <p><u>3. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</u></p>	Điều chỉnh lại tỷ lệ theo Điều lệ công ty
17	<p>Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của BKS</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của BKS</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	Sửa đổi theo thay đổi của

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	j. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại <u>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp</u> , Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	j. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại <u>Điều 170 của Luật Doanh nghiệp</u> , Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản: j. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> k. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u>	Điều lệ công ty
	Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của BKS 2. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.	Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của BKS 2. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. <u>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
	Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của BKS 4. Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của BKS 4. Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. <u>Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ</u>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u></p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</u></p>	
18	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>2. BKS có ba (03) đến năm (05) thành viên, số lượng thành viên của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 32. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>2. BKS có ba (03) đến năm (05) thành viên, số lượng thành viên của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Trùng với phần trước
19	<p>Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>d. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty</p>	<p>Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>d. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty <u>và được chấp thuận;</u></p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>f. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
20	<p>Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Điều 40. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	Sửa đổi theo thay

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	4. Bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT.	4. Bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT. <u>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</u>	đổi của Điều lệ công ty
21	<p>Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc</p> <p>2. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>b. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc</p> <p>2. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>b. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác <u>phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan</u>, tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></p>	Sửa đổi theo thay đổi của Điều lệ công ty
22	Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị	Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:	Sửa đổi theo thay đổi của

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		3. Tham dự các cuộc họp; 7. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Điều lệ công ty
23	Điều 54. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 11 chương 54 điều, được ĐHĐCĐ thông qua <u>ngày 29 tháng 06 năm 2018</u>	Điều 54. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 11 chương 54 điều, được ĐHĐCĐ thông qua <u>ngày 27 tháng 04 năm 2021</u>	Thay đổi thời gian hiệu lực